

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-3-2022.

V/v ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải.

Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm P, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lưu Thị C, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm P, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Hiện đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lưu Thị C đăng ký kết hôn tháng 8 năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc tại xóm P, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Đến năm 2019 chị C đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, mặc dù anh không đồng ý nhưng chị C vẫn cố tình đi để anh một mình nuôi con. Từ khi đi đến nay chị C cũng không có trách nhiệm với gia đình và các con, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn liên lạc với nhau nữa. Anh L nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc và cả hai không có ý thức vun vén hạnh phúc gia đình, không còn quan tâm nhau nữa. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Cháu thứ nhất là Nguyễn Ngọc S, sinh năm 2001 (đã trưởng thành), cháu thứ hai là Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 05/10/2010. Hiện đang ở cùng anh L. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu chị C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 23/12/2021 và ngày 31/12/2021 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Lưu Trung T là bố đẻ của chị Lưu Thị C, địa chỉ: Xóm A, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xác định: Ông T có nhận được văn bản của Tòa án, ông có thông tin qua điện thoại cho chị C được biết việc anh L đang yêu cầu xin ly hôn với chị. Tại buổi làm việc ngày 31/12/2021 Chị C có trực tiếp gọi điện về trao đổi dưới sự chứng kiến của trưởng xóm A, xã K là ông Nguyễn Văn Th với nội dung như sau: “Hiện nay chị C vẫn đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Về địa chỉ hiện nay của chị C tại Đài Loan ông T xác định không biết nên không thể cung cấp cho Tòa án. Chị C vẫn thường xuyên gọi điện về cho gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Chị C xác định anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định. Hiện nay chị được biết anh L ly hôn khi nhận được văn bản của Tòa án. Chị không đồng ý ly hôn với anh L do chị không muốn chia rẽ các con, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, ít liên lạc, chị được biết anh L đang có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị có nguyện vọng chờ chị về Việt Nam để giải quyết vụ án ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con như anh L đã khai là đúng. Cháu lớn là Nguyễn Ngọc S, đã trưởng thành và cháu thứ hai là Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 05/10/2010. Nếu giải quyết ly hôn chị C mong muốn được nuôi con. Trong trường hợp Tòa án giao con cho anh L, chị đề nghị anh L không được cản trở việc chị liên lạc, thăm nom con chung. Anh L không yêu cầu chị cấp dưỡng, chị C nhất trí. Chị cũng xác định chị cũng có trách nhiệm với con dù anh L không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không đề nghị chị C cũng nhất trí, không có ý kiến gì khác. Do chị không đồng ý ly hôn nên chị không muốn giải quyết vắng mặt chị, chị muốn Tòa án lưu lại hồ sơ một năm chờ chị về Việt Nam để giải quyết. Chị C thông tin lại cho ông T là bố đẻ chị không được ký vào biên bản làm việc với Tòa án”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, cho anh L được ly hôn với chị C; Giao cháu Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 05/10/2010 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C vì anh L không yêu cầu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại Công văn số 3203/CAT(PA01/XNC) ngày 28/4/2021 của Công an tỉnh Thái Nguyên xác định chị Lưu Thị C đã xuất nhập cảnh nhiều lần; lần gần đây nhất bà C xuất cảnh ngày 11.4.2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của chị Lưu Thị C ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị C ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của chị C là ông Lưu Trung T có đủ căn cứ xác định chị C vẫn liên hệ với ông nhưng ông cũng không cung cấp được địa chỉ của chị C và chị C cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông T cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của chị C ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Văn L và chị Lưu Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo anh L trình bày: Do giữa vợ chồng chị không còn tiếng nói chung. Năm 2018 chị C sang lao động xuất khẩu tại Đài Loan, mặc dù biết anh L không đồng ý cho đi nhưng chị C vẫn cương quyết đi. Từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bản thân anh L phải một mình nuôi các con còn nhỏ, vợ chồng khoảng cách địa lý xa nhau nên tình cảm và sự quan tâm ngày một ít đi. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị C không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C. Phía bị đơn chị C, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng tại buổi làm việc ngày 31/12/2021 chị C có gọi điện về trực tiếp trao đổi, thể hiện chị cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, hiện cả hai không còn quan tâm nhau, nhưng vì thương các con, không muốn các con bị chia rẽ tình cảm nên chị không đồng ý ly hôn, chị có nguyện vọng chờ chị về Việt Nam để giải quyết vụ án. Như vậy, có căn cứ cho thấy giữa anh L và chị C đã không còn tình cảm vợ chồng, sự quan tâm và thương yêu nhau, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng. Tại phiên tòa anh L giữ nguyên quan điểm, cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L cho anh L được ly hôn chị C là phù hợp với thực tế và theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh L và chị C có 02 con chung. Cháu thứ nhất là Nguyễn Ngọc S, sinh năm 2001 (đã trưởng thành) nên không xem xét. Cháu thứ hai là Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 05/10/2010. Hiện đang ở cùng anh L. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu chị C cấp dưỡng tiền nuôi

con. Do vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu trực tiếp chăm sóc con chung của anh L. Giao con chung là Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 05/10/2010 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của cháu Nguyễn Tuấn V tại bản tự khai và đảm bảo đúng quy định tại Điều 81;82; 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C vì anh L không yêu cầu.

Chị C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L xác định không có nợ chung và tài sản chung và không yêu cầu giải quyết. Phía chị C không có lời khai bằng văn bản, thể hiện ý kiến, quan điểm của mình. Hội đồng xét xử chưa giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; 37 khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn L đối với chị Lưu Thị C.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn với chị Lưu Thị C.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 05/10/2010 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Lưu Thị C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho chị C do anh L không yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chưa giải quyết.

4. Án phí: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp, biên lai số 0000060 ngày 23/12/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hồng Phương